

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 08/2022/HNGĐ-PT
Ngày 26-7-2022
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chát.

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐ-PT ngày 12/7/2022 và số 21/2022/QĐ-PT ngày 20/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh N, sinh năm 1988. Có mặt

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương

2. Bị đơn: Chị N1, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: Thôn 1, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ nơi cư trú hiện nay: KDC Ph, phường Th, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đinh Ngọc Ph-
Luật sư thuộc Văn phòng luật sư T; Địa chỉ: Số 30 phố L, phường L, thành phố H,
tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. Người làm chứng:

-Bà Ngô Thị Đ – sinh năm 1963, Có mặt.

-Anh Nguyễn Văn Th – sinh năm 1990, Có mặt.

Đều ở địa chỉ: KDC Ph, phường Th, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

-Bà Trần Thị L – Sinh năm 1964. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 1, H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

N1 DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, N1 dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị N1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/4/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và về làm ăn kinh tế, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Đến cuối năm 2019, chị N1 đã bỏ về ở cùng với bố mẹ đẻ tại khu dân cư Ph, phường Th, thị xã K. Vợ chồng sống ly thân không quan tâm tới nhau. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị N1. Chị N1 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng anh N, chị N1 có 01 con chung là Bùi Thị Q Tr, sinh ngày 15/3/2018, hiện đang ở với anh N từ năm 2019. Sau khi ly hôn anh N đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị N1 phải cấp dưỡng cho con. Hiện anh đang làm việc tại Công ty Đ - ở phường M, thị xã K với mức thu nhập từ 13 triệu đồng đến 14 triệu đồng/tháng. Chị N1 xác định đã nuôi con từ tháng 8/2019 đến 25/10/2019 chị bế con đi tiêm chủng thì anh N đến nói đưa con về chơi với ông bà N1, nhưng tới cùng ngày chị đến đón con thì gia đình anh N không cho đón. Anh N và gia đình nuôi con từ đó đến nay. Mỗi lần chị đến thăm con đều bị anh N và gia đình ngăn cản. Hiện nay chị làm tại công ty TNHH Fantastic Internationnal, ở P, K, Hải Dương. Chị có công việc, chỗ ở ổn định, con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, do vậy chị đề nghị được trực tiếp nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N và chị N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại Thôn 1 và biên bản xác minh tại UBND xã Hoàng Sơn thể hiện: Trong thời gian vợ chồng anh N sống ly thân, anh N là người trực tiếp nuôi con. Bản thân cháu Tr được anh N lo cho ăn ở, học tập phát triển ổn định. Chị N1 ít khi thăm gặp, chăm sóc con chung đang ở tại địa phương. Nay Tòa án giải quyết việc ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét việc giao con chung cho các bên đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Tr.

Tại biên bản xác minh ngày 04/1/2022, đại diện Trường mầm non xã Hoàng Sơn, thị xã K thể hiện: Cháu Bùi Thị Q Tr, sinh ngày 15/3/2018 là học sinh lớp 3 tuổi C. Cháu Tr được gia đình anh N chăm lo cho việc học tập tại trường, đưa đón cháu Tr đi học hàng ngày, đóng đầy đủ các khoản thu của Nhà trường, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr phát triển ổn định như các bạn cùng tuổi.

Tại bản án số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ Điều 55, Điều 58,

khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí. Xử : Về quan hệ hôn nhân. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh N và chị N1. Về con chung: Giao cho anh N được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Bùi Thị Q Tr, sinh ngày 15/3/2018. Thời gian giao nuôi dưỡng, chăm sóc con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị N1 phải cấp dưỡng cho con. Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền năm nom con chung, về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/5/2022 chị N1 kháng cáo bản án về phần nuôi con chung. Lý do kháng cáo: Bản án sơ thẩm không đánh giá và đánh giá không khách quan về lỗi của anh N và gia đình trong việc ngăn cản chị N1 đến thăm nom con chung, không xem xét áp dụng các quy định của pháp luật về việc bảo vệ quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Q Tr.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị N1 và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N1 có quan điểm giữ nguyên N1 dung kháng cáo vì cấp sơ thẩm không đánh giá hết tình tiết, các chứng cứ khách quan như việc anh N bắt con về nuôi trong lúc chị N1 đưa con đi tiêm chủng, khi chị N1 đến thăm con thì bị gia đình anh N ngăn cản, chỉ cho một mình chị N1 vào thăm con một vài lần. Như vậy là không đảm bảo quyền của phụ nữ, trẻ em. Trường hợp chị N1 được nuôi con thì chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho con.

Anh N trình bày: Không nhất trí N1 dung kháng cáo của chị N1, bản thân anh và gia đình không hề tự ý bắt con về nuôi, trước khi bế con về anh đã thông báo cho bố chị N1 biết lịch tiêm chủng và việc mang con về nuôi. Bản thân chị N1 cũng có một thời gian dài không đến thăm nom con chung, một số lần sang thăm con đều được gia đình anh cho thăm, chơi và chăm sóc con chung chứ không có chuyện ngăn cản.

Người làm chứng bà Trần Thị L trình bày: Gia đình bà không ngăn cản chị N1 đến thăm con, khi chị N1 đến thăm con còn đi cùng với 5-6 người, do không quen biết những người đi cùng chị N1 nên bà không nhất trí cho họ vào nhà mà chỉ cho một mình chị N1 vào thăm con. Có lần chị N1 đi cùng bà Đặng là bà ngoại cháu thì gia đình bà vẫn cho vào thăm cháu bình thường.

Bà Đ khai: Bà có đi cùng chị N1 hai lần về thăm cháu, bà chỉ được gia đình anh N cho thăm cháu một lần, còn một lần không cho vào mà chỉ cho một mình chị N1 vào thăm con.

Anh Th khai: Anh và chị N1 là người cùng họ và gần nhà nhau nên có lần chị N1 rủ anh đi cùng đến gia đình anh N thăm con chung của anh N, chị N1, tuy nhiên gia đình anh N chỉ cho mình chị N1 vào thăm con, còn anh đứng ở ngoài cổng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của chị N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương về phần nuôi con chung. Chị N1 phải chịu án phí phúc thẩm dân sự (HNGĐ) theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N1 kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ. Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, chị N1 đề nghị mời ông Đinh Ngọc Phán tham gia tố tụng và đã nộp đầy đủ tài liệu, thủ tục theo quy định tại Điều 75 của BLTTDS, do vậy, HĐXX chấp nhận ông Đinh Ngọc Phán là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N1 tại cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa anh N đề nghị đưa bà Làn tham gia tố tụng với tư cách là Người làm chứng khai tại phiên tòa, chị N1 đề nghị đưa bà Đặng, anh Th là người làm chứng khai tại phiên tòa. HĐXX xét thấy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và để đánh giá khách quan, toàn diện vụ án nên chấp nhận yêu cầu của anh N và chị N1 đưa những người trên tham gia tố tụng tại phiên tòa với tư cách là Người làm chứng đồng thời họ đều cam đoan khai báo đúng sự thật khách quan. Trước khi mở phiên tòa, Thư ký phiên tòa bà Vũ Bích Thủy được phân công thay ông Nguyễn Hoàng Sơn ghi biên bản phiên tòa, các đương sự, đại diện VKSND tỉnh Hải Dương đều nhất trí sự thay đổi người tiến hành tố tụng, không đề nghị thay đổi ai trong những người tiến hành tố tụng.

[2] Xét N1 dung kháng cáo, HĐXX xét thấy: Vợ chồng anh N, chị N1 có 01 con chung là Bùi Thị Q Tr, sinh ngày 15/3/2018. Chị N1 và anh N đều còn trẻ, có sức lao động, có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định nên đều có đủ điều kiện để nuôi con. Căn cứ biên bản xác minh tại địa phương và tại Trường mầm non xã Hoàn Sơn đều thể hiện anh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung phát triển tốt, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, còn chị N1 ít khi đến địa phương để thăm nom, chăm sóc con chung. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, anh N nộp đơn đề nghị và xác nhận của địa phương, của thôn, của trường mầm non nơi cháu Tr học tập, thể hiện việc anh N nuôi dưỡng cháu Tr phát triển bình thường. Chị N1 cho rằng gia đình anh N cố tình ngăn cản chị trong việc thăm nom, nuôi dưỡng con chung, tại phiên tòa phúc thẩm, những người làm chứng theo đề nghị của chị N1 và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N1 đều khẳng định chị N1 vẫn được đến gia đình anh N thăm nom, chăm sóc con chung. Bà L mẹ anh N cũng khẳng định không ngăn cản chị N1 đến thăm con. Thực tế cháu Tr đã được anh N nuôi dưỡng từ năm 2019 cho đến nay đã trên 4 tuổi, do vậy để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung chưa thành niên, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, cấp sơ thẩm đã giao cho anh N trực tiếp nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N1 cũng không cung cấp thêm chứng cứ mới chứng minh cho N1 dung kháng cáo của mình là có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận. Từ phân tích trên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của

Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương về phần nuôi con chung. Nếu có căn cứ cho rằng anh N không còn đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì chị N1 có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền đề nghị giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Chị N1 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (về Hôn nhân và gia đình), theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các N1 dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Xử: Không chấp nhận kháng cáo của chị N1, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương về phần nuôi con chung.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Bùi Thị Q Tr – Sinh ngày 15/3/2018 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh N tự nguyện không yêu cầu chị N1 phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở chị N1 thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí phúc thẩm: Chị N1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm (về Hôn nhân và gia đình), được trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0001287 ngày 11/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, tỉnh Hải Dương.

4. Các N1 dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND và Chi cục T.H.A DS thị xã K, tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hoàn Sơn, thị xã K, t.Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch).
- Các đương sự và người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án,
Lưu Tòa GD&NCTN, Văn phòng.

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân